

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 về việc phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn nội dung thiết

kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Sóc Trăng khóa XIV xây dựng thị trấn Trần Đề đạt đô thị loại IV đến năm 2025, định hướng thành lập thị xã Trần Đề đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 93-NQ/BCSD ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ban Cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 16/3/2023 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XIV;

Quyết định số 203/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, với các nội dung như sau:

### 1. Tên quy hoạch

Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035.

## **2. Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch**

- Khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Trần Đề.

- Ranh giới có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp Sông Hậu.

+ Phía Tây giáp xã Trung Bình và xã Đại Ân 2.

+ Phía Nam giáp xã Trung Bình.

+ Phía Bắc giáp xã Đại Ân 2.

- Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Đề là: 1.895,23ha.

Phạm vi nghiên cứu mở rộng được xác định là các khu vực tiếp giáp xung quanh thị trấn Trần Đề, bao gồm xã Đại Ân 2, xã Trung Bình, thị trấn Lịch Hội Thượng, các khu chức năng được định hướng theo quy hoạch cấp trên như Trung tâm Logistics gắn với cảng Trần Đề, Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Trần Đề,... nhằm quản lý phát triển và tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng đô thị kết nối với thị trấn.

## **3. Tính chất, chức năng đô thị**

- Là đô thị trung tâm của Khu kinh tế ven biển Trần Đề, là trung tâm nuôi trồng và khai thác thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá cho cả vùng duyên hải biển Đông; phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ hậu cần cảng biển, năng lượng tái tạo, du lịch biển, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh ven biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Là đầu mối giao thông đường bộ và đường thủy quan trọng, là trung tâm xuất nhập khẩu hàng hóa, trung tâm dịch vụ logistics, dịch vụ hàng hải của vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với Cảng nước sâu Trần Đề, Khu kinh tế ven biển Trần Đề, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

- Là điểm trung chuyển du lịch kết nối với Côn Đảo, Cù Lao Dung, là trung tâm cung cấp dịch vụ tham quan du lịch sinh thái, văn hóa tín ngưỡng, giải trí nghỉ dưỡng của huyện Trần Đề.

- Là đô thị huyện lỵ của huyện Trần Đề, là trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học công nghệ của khu vực đô thị Trần Đề mở rộng; định hướng phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV đến năm 2025 và phát triển thành phường khi đủ điều kiện thành lập thị xã Trần Đề trong giai đoạn dài hạn.

- Là đô thị ven biển có kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, hướng đến tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

#### **4. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển**

##### **4.1. Dự báo quy mô dân số đô thị theo các giai đoạn phát triển**

Dự báo dân số thị trấn Trần Đề (bao gồm dân số tăng tự nhiên, tăng cơ học và dân số quy đổi từ khách vắng lai, du lịch) theo các giai đoạn phát triển như sau:

- Đến năm 2030: khoảng 25.400 người.
- Đến năm 2035: khoảng 36.100 người.

##### **4.2. Dự báo quy mô đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển**

###### *a) Đất xây dựng đô thị*

- Đến năm 2030: khoảng 601,28ha.
- Đến năm 2035: khoảng 734,98ha.

###### *b) Đất dân dụng*

- Đến năm 2030: khoảng 253,36ha.
- Đến năm 2035: khoảng 360,93ha.

#### **5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu**

##### *a) Chỉ tiêu về đất đai*

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị:  $\leq 100 \text{ m}^2/\text{người}$ .
- Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị:  $\geq 28 \text{ m}^2/\text{người}$ .
- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng trong đô thị:  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

##### *b) Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội*

Đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD.

##### *c) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:*

- Chỉ tiêu giao thông đô thị:
  - + Mật độ mạng lưới đường:  $\geq 6,5 \text{ km/km}^2$  tính đến đường khu vực.
  - + Tỷ lệ đất giao thông:  $\geq 13\%$  tính đến đường khu vực.
- Chỉ tiêu cấp nước đô thị:
  - + Tỷ lệ cấp nước đô thị: 100%.
  - + Tiêu chuẩn cấp nước: 100-120 lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu cấp điện:
  - + Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: 1.000 kWh/người/năm.
  - + Tiêu chuẩn phụ tải: 330 W/người.

- Chỉ tiêu thoát nước bản, vệ sinh môi trường đô thị:

+ Tiêu chuẩn thoát nước thải sinh hoạt:  $\geq 80\%$  tiêu chuẩn cấp nước.

+ Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg/người/ngày.

## **6. Định hướng tổ chức không gian đô thị**

### **6.1. Hướng phát triển đô thị**

- Giai đoạn 2030 thị trấn Trần Đề sẽ ưu tiên tập trung phát triển hoàn thiện không gian khu vực trung tâm và chỉnh trang khu vực dân cư từ kênh Ba đến Bãi Giá, dọc theo Quốc lộ 91B. Thu hút đầu tư xây dựng các dự án về thương mại dịch vụ du lịch ven sông Hậu và dọc trục Đường tỉnh 934B.

- Giai đoạn 2035 khi hệ thống hạ tầng của thị trấn tương đối ổn định và thu hút lượng lớn dân cư đến sinh sống, thị trấn sẽ tiếp tục phát triển các khu dân cư mới, các khu chức năng đô thị về phía Tây (dọc theo đường Võ Thị Sáu và đường Tôn Đức Thắng), về phía Bắc (dọc theo Quốc lộ 91B). Phát triển quỹ đất hỗn hợp dọc trục đường N14.

### **6.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị**

#### **a) Định hướng tổ chức khu vực chức năng đô thị**

Không gian thị trấn Trần Đề được chia thành 05 khu vực:

- Khu vực 1: Khu vực đô thị trung tâm Trần Đề.

- Khu vực 2: Khu vực đô thị thương mại dịch vụ Trần Đề.

- Khu vực 3: Khu vực dịch vụ tham quan du lịch - nghỉ dưỡng - giải trí ven sông Hậu.

- Khu vực 4: Khu vực công nghiệp, bến cảng và dịch vụ hỗ trợ.

- Khu vực 5: Khu vực đô thị phía Tây mở rộng.

#### **b) Định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm**

- Trung tâm hành chính, chính trị: Cải tạo, chỉnh trang các công trình hành chính hiện hữu. Hình khối kiến trúc phù hợp với tính chất công trình, tổ hợp những hình khối đơn giản, có tính đối xứng, tông màu sáng làm chủ đạo, kết hợp với quảng trường trung tâm, nơi tổ chức các sự kiện quan trọng như các hoạt động chính trị, sinh hoạt văn hóa.

- Trung tâm Văn hóa - thể thao: Tạo không gian sân lớn phía trước, kết nối với hệ thống giao thông khu vực nhằm tăng khả năng thoát người trong những dịp tổ chức sự kiện lớn. Không gian xung quanh các công trình thể thao được tổ chức dưới dạng không gian mở nhằm tạo điều kiện cho người dân khu vực tiếp cận tối đa với các công trình; các công trình dịch vụ thể thao khuyến khích giải pháp kiến trúc thấp tầng hoặc tầng cao trung bình, hình khối gọn gàng phù hợp với dây chuyền công năng của chức năng công trình đó. Tận dụng được tối đa tầm nhìn tốt ra thiên nhiên xung quanh hoặc hướng ra trục đường chính.

- Trung tâm Y tế: Bố trí nhiều mảng không gian xanh cách ly với không

gian đường phố nhằm giảm thiểu khói bụi và tiếng ồn; các mảng xanh dành cho rèn luyện sức khỏe: các công viên thiên, các lối đi tập trị liệu, các sân thể thao nhỏ. Khuyến khích trồng các vườn cây dược liệu có mùi, tạo cảm giác thư giãn và tốt cho sức khỏe; Các khu vực giao lưu, gặp gỡ giữa các bệnh nhân và các tiện ích đi kèm được bố trí hợp lý.

- Trung tâm giáo dục: Khuyến khích bố trí vịnh đỗ xe phía trước, tạo điều kiện cho việc đưa đón học sinh; công trình có hình khối tránh hướng Đông - Tây, tạo các sân vườn bên trong; khuyến khích trồng cây mặt đứng công trình và bố trí đầy đủ các khu chức năng: phòng học, phòng phục vụ việc học, hành chính nhân sự, sân chơi - thể thao, vệ sinh, để xe và nơi sinh hoạt chung.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ: Hình thành các tổ hợp thương mại dịch vụ, khối tích lớn dọc theo các trục chính đô thị và thấp dần vào lõi lô phố. Thiết kế với hình thức nổi bật và đặc trưng, đặc biệt nhằm tạo những điểm nhấn khu vực. Các công trình cần được bố trí với khoảng lùi vừa phải, vừa đáp ứng chức năng thương mại, vừa tạo khoảng không gian mở gắn kết không gian bên ngoài công trình với các hoạt động thương mại, hình thành khu phố mua sắm với các cửa hàng dọc trục đường, tạo thành không gian sầm uất tập trung nhiều người.

### **6.3. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**

- Khu vực cửa ngõ thị trấn bao gồm:

+ Khu vực cửa ngõ phía Bắc: Khu vực quanh nút giao Quốc lộ 91B - Đường tỉnh 934B, là khu vực cửa ngõ quan trọng từ hướng thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú vào thị trấn. Phát triển cụm công trình thương mại dịch vụ có kiến trúc độc đáo, hiện đại, thể hiện tính chất khu vực trọng điểm về sản xuất công nghiệp.

+ Khu vực cửa ngõ phía Nam (nút giao Quốc lộ 91B - đường ven sông nổi dài), là khu vực cửa ngõ quan trọng từ hướng huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu. Thu hút đầu tư để hình thành tổ hợp thương mại dịch vụ cao tầng, tạo điểm nhấn theo hướng trục chính Quốc lộ 91B đi vào thị trấn. Thiết kế hình thức kiến trúc có tính nhận diện cao, đánh dấu điểm khởi đầu cho tuyến đường cảnh quan ven sông.

- Hệ thống điểm nhấn đô thị bao gồm:

+ Điểm nhấn cửa ngõ phía Nam: Là tổ hợp cụm thương mại dịch vụ với hình thức kiến trúc đặc biệt, cao tầng kết hợp tổ chức cảnh quan vòng xuyên.

+ Điểm nhấn cửa ngõ phía Bắc: Trạm dừng chân Trần Đề và cụm công trình thương mại, dịch vụ du lịch.

+ Cầu cảnh quan kênh Ba.

+ Cụm công trình văn hóa - bảo tàng biển.

+ Cụm công trình thương mại dịch vụ cao tầng “Điểm nhấn cuối dòng Mekong”.

+ Cột mốc chủ quyền Quần đảo Trường Sa.

+ Chùa Đon Kdon - quần thể công trình tôn giáo với đặc trưng kiến trúc Angkor trong khu vực dân cư Bãi Giá.

### 7. Cơ cấu sử dụng đất

TT	LOẠI CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	Giai đoạn đến 2030 (25.400 người)		Giai đoạn đến 2035 (36.100 người)	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<b>A</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>	<b>601,28</b>	<b>100,00</b>	<b>734,98</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>253,36</b>	<b>42,14</b>	<b>360,93</b>	<b>49,11</b>
1	Đất xây dựng nhóm nhà ở	67,96	11,30	94,68	12,88
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	90,90	15,12	126,84	17,26
3	Đất giáo dục (THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non)	5,84	0,97	9,46	1,29
4	Đất dịch vụ - công cộng khác	15,84	2,63	20,55	2,80
5	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,32	0,05	0,32	0,04
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng	15,17	2,52	22,63	3,08
7	Đất giao thông cấp đô thị	54,64	9,09	82,76	11,26
8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	2,69	0,45	3,69	0,50
<b>II</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>347,92</b>	<b>57,86</b>	<b>374,05</b>	<b>50,89</b>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	200,96	33,42	200,96	27,34
2	Đất cơ quan, trụ sở cấp huyện	7,53	1,25	9,33	1,27
3	Đất dịch vụ, du lịch	51,16	8,51	75,49	10,27
4	Đất trung tâm y tế cấp huyện	4,93	0,82	4,93	0,67
5	Đất trung tâm văn hóa, TDTT cấp huyện	19,57	3,25	19,57	2,66
6	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	15,87	2,64	15,87	2,16
7	Đất di tích, tôn giáo	2,79	0,46	2,79	0,38
8	Đất an ninh	7,75	1,29	7,75	1,05
9	Đất quốc phòng	3,70	0,62	3,70	0,50
10	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	0,71	0,12	0,71	0,10
11	Đất giao thông đối ngoại	32,95	5,48	32,95	4,48
<b>B</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>1.293,95</b>		<b>1.160,25</b>	
1	Đất dự trữ phát triển	651,11		517,87	
2	Đất rừng phòng hộ	46,57		46,57	
3	Sông, kênh, rạch, mặt nước	596,27		595,81	
<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>1.895,23</b>		<b>1.895,23</b>	

## **8. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính**

### *a) Hệ thống công trình Hành chính - chính trị*

- Khu hành chính - chính trị cấp huyện: Giữ nguyên vị trí khu vực hành chính - chính trị, cơ quan cấp huyện hiện có. Bổ sung quỹ đất phía Nam quảng trường trung tâm, quy mô 1,81ha.

- Trung tâm hành chính thị trấn: UBND thị trấn được cải tạo và nâng cấp tại vị trí hiện nay.

### *b) Hệ thống công trình Văn hóa - Thể dục thể thao*

- Xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao cấp huyện nằm tại khu trung tâm thị trấn Trần Đề, có quy mô 11,66ha, dự kiến bao gồm các công trình: Trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, nhà văn hóa lao động, thư viện, bảo tàng biển, sân vận động, cơ sở thể dục thể thao, bể bơi, nhà thi đấu và nhà tập luyện đa năng.

- Bố trí quảng trường trung tâm dọc kênh Tư có quy mô 6,30ha.

- Bố trí quảng trường văn hóa gắn với Lăng Ông Nam Hải quy mô 1,62ha.

### *c) Hệ thống công trình Y tế*

- Giữ nguyên vị trí Bệnh viện đa khoa Huyện Trần Đề, bổ sung quỹ đất mở rộng Bệnh viện và trung tâm y tế có quy mô 3,78ha.

- Trung tâm y tế thị trấn giữ nguyên vị trí và diện tích 0,3ha.

### *d) Hệ thống công trình thương mại dịch vụ, du lịch*

- Hệ thống các công trình thương mại dịch vụ đô thị được bố trí trên các trục đường chính như Quốc lộ 91B, đường Võ Thị Sáu, đường Tôn Đức Thắng.

- Giữ nguyên vị trí chợ Kênh Ba, chỉnh tranh mở rộng hình thành Chợ buôn bán thủy sản Trần Đề (0,20ha).

- Bố trí chợ Trần Đề mới trên đường Võ Thị Sáu có quy mô 1,00ha.

- Bố trí Trung tâm thương mại Trần Đề (hạng I) nằm trên Quốc lộ 91B, phía trước quảng trường trung tâm, có quy mô 2,36ha.

- Bố trí Siêu thị tổng hợp Trần Đề (hạng I) trên N17 tại vòng xoay cửa ngõ phía Nam có quy mô 0,55ha.

- Các công trình thương mại dịch vụ du lịch được bố trí trên các trục đường Đường tỉnh 934B, đường Lăng Ông và đường ven sông.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng Dự án Trạm dừng chân Trần Đề kết hợp công trình thương mại dịch vụ tại nút giao Quốc lộ 91B và Đường tỉnh 934B.

### *e) Hệ thống công trình giáo dục - đào tạo*

- Công trình giáo dục cấp đô thị hiện trạng là trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Đề trên Quốc lộ 91B, giữ nguyên vị trí và mở rộng từ 1,36ha lên 2,46ha.



- Bố trí 01 trường Trung học phổ thông mới trên trục đường N14 có quy mô 1,29ha.

- Bổ sung các công trình giáo dục cấp đơn vị ở đảm bảo chỉ tiêu hạ tầng xã hội.

*f) Các nhóm nhà ở*

- Bao gồm các nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang và nhóm nhà ở xây dựng mới, quy mô tổng diện tích là 94,68ha, bao gồm:

+ Nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang định hướng quy hoạch cải tạo, chỉnh trang bao gồm khu dân cư kênh Ba và Bãi Giá, quy mô 31,10ha.

+ Nhóm nhà ở xây dựng mới tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn và khu vực phía Tây thị trấn với tổng quy mô 63,58ha.

- Xây dựng khu Nhà ở xã hội số 1 có quy mô 20,77ha đáp ứng nhu cầu lao động tăng thêm từ các dự án quy mô lớn như Khu công nghiệp Trần Đề, Cảng nước sâu Trần Đề,...

*g) Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ*

Là khu đất cho phép xây dựng nhà ở, công trình thương mại dịch vụ - công cộng - hỗn hợp, cây xanh vườn hoa, bãi đỗ xe hoặc được sử dụng cho một số mục đích khác. Định hướng phát triển dọc các trục đường chính như Quốc lộ 91B, đường 30/4, đường 19/5, đường Võ Thị Sáu, đường N14 với tổng quy mô 126,84ha.

*h) Công viên cây xanh cảnh quan*

- Bố trí 08 công viên đô thị ở từng khu, đảm bảo bán kính phục vụ với tổng quy mô 22,63ha.

- Cây xanh sử dụng hạn chế được bố trí tại khu vực công nghiệp, tuyến đường dây điện và ven kênh rạch với tổng diện tích 15,87ha.

*i) Sản xuất công nghiệp, kho tàng*

- Khu công nghiệp Trần Đề đang trong quá trình xây dựng, do đó giữ nguyên vị trí và diện tích là 160ha.

- Giữ nguyên Cảng cá giai đoạn 1 với quy mô là 16,12ha, xây dựng Cảng cá giai đoạn 2 có quy mô 24,84ha.

*j) Di tích, tôn giáo:*

Công trình tôn giáo trong phạm vi thị trấn bao gồm Lăng Ông Nam Hải và chùa Đon Kdon. Định hướng quy hoạch giữ nguyên vị trí và điều chỉnh ranh giới phù hợp với các tuyến đường quy hoạch.

*k) An ninh, quốc phòng*

- Đất an ninh:

+ Công an huyện Trần Đề đã được xây dựng trên trục đường Đường tỉnh 934B, quy mô 4,66ha. Quỹ đất công an huyện cũ trên đường 30/4 dự kiến xây

dựng trụ sở Công an thị trấn Trần Đề, diện tích 0,27ha.

+ Di dời quỹ đất PCCC trên tuyến đường Đường tỉnh 934B vào vị trí điểm giao Đường tỉnh 934B với đường ranh phía Tây (đối diện Công an huyện Trần Đề), có quy mô là 2,50ha.

+ Bố trí quỹ đất cho Trạm Cảnh sát đường thủy Trần Đề tại ấp Ngan Rô với quy mô 0,32ha.

- Đất quốc phòng:

+ Giữ nguyên vị trí các trụ sở Hải đội 2.

+ Bố trí trụ sở Hải đội 2 Biên phòng mới trên đường ven sông.

### *l) Khu dự trữ phát triển*

Khu đất dự trữ phát triển trong phạm vi thị trấn Trần Đề là khu vực phục vụ nhu cầu phát triển trong tương lai của thị trấn. Khi chưa có dự án trong khu vực, cho phép các đơn vị, tổ chức, cá nhân được tiếp tục cải tạo, sửa chữa, xây dựng công trình theo quy định pháp luật, đúng với chức năng sử dụng đất hiện hữu. Việc định hướng, xác định các chức năng sử dụng đất cụ thể trong khu vực sẽ được tham chiếu dựa trên các quy hoạch đã phê duyệt của các ban ngành liên quan và phải được sự cho phép của các cấp có thẩm quyền, trên nguyên tắc đảm bảo đô thị phát triển bền vững, mật độ cư trú hợp lý và sử dụng đất đai tiết kiệm hiệu quả.

## **9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật**

### **9.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

#### *a) San nền*

- Cao độ san lấp:  $\geq +2,2\text{m}$ .

- Cao độ xây dựng không thấp hơn:  $+3,0\text{m}$ .

Giải pháp quy hoạch san nền:

- Căn cứ theo tài liệu khảo sát địa hình và chế độ thủy văn, đồng thời cũng phải tuân thủ cao độ các đường giao thông hiện hữu, nhằm tránh trường hợp cao độ thiết kế và cao độ tự nhiên chênh lệch quá lớn. Cao độ san nền tại ranh khu đất quy hoạch vị trí giáp với các khu vực lân cận không được chênh lệch lớn so với cao độ hiện hữu để tránh đất bị sạt lở, chia thành 02 khu vực như sau để chọn và đề xuất cao độ san lấp ứng với 02 khu vực nằm trong tuyến đê:

+ Khu vực phía Bắc Kênh 3: Có cao độ san nền không chế  $\geq 2,2\text{m}$ , hướng dốc san nền ra các kênh 1, 2, 3 và kênh Bồn Bồn .

+ Khu vực phía Nam Kênh 3: Có cao độ san nền không chế  $\geq 2,2\text{m}$ ; hướng dốc san nền ra các kênh 3, 4, Tiếp Nhựt, kênh Đâu Giồng.

- Các khu vực đô thị đã xây dựng: Không tiến hành san lấp, chỉ khuyến cáo nâng dần đến cao độ 3,0m khi có điều kiện.

- Riêng đối dân cư và các công trình xây dựng hiện trạng dọc trục Quốc lộ

91B (đường Nam Sông Hậu), đường Võ Thị Sáu, đường 19/5 và các đường dọc theo kênh Một, kênh Hai, kênh Ba, kênh Tư và kênh Tiếp Nhựt, kênh Đầu Giồng, kênh Bồn Bồn về lâu dài, khuyến cáo nâng nền khu vực thấp so với các dự án đầu tư mới.

- Hướng dốc thiết kế: Từ giữa các khu ra xung quanh và hướng về phía sông rạch.

*b) Thoát nước mưa*

- Lưu vực 1: Kênh Bồn Bồn, kênh So Đũa, kênh Hai và sông Hậu. Hướng thoát nước chính ra kênh Bồn Bồn và sông Hậu.

- Lưu vực 2: Kênh Đầu Giồng, kênh Hai, kênh Ba và sông Hậu. Hướng thoát nước chính ra kênh Hai.

- Lưu vực 3: Kênh Đầu Giồng, kênh Ba, kênh Tư và sông Hậu. Hướng thoát nước chính ra kênh Ba và sông Hậu.

- Lưu vực 4: Kênh Đầu Giồng, kênh Tư, kênh Tiếp Nhựt và sông Hậu. Hướng thoát nước chính ra kênh Tư.

**9.2. Quy hoạch hệ thống giao thông**

*a) Giao thông đường bộ*

*\* Giao thông đối ngoại:*

- Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu): Phân đoạn có tính chất giao thông đối ngoại tính từ điểm đầu giao với Đường tỉnh 934B, điểm cuối tại cầu Ngan Rô, giáp xã Đại Ân 2. Chiều dài 1,6km, lộ giới 31,0m (giai đoạn 1) nâng cấp lên 66,0m (giai đoạn 2), mở rộng dựa trên tuyến đường hiện hữu.

- Đường tỉnh 934B: Điểm đầu giao với Quốc lộ 91B, điểm cuối tại ranh quy hoạch phía Tây, giáp xã Đại Ân 2, nâng cấp mở rộng dựa trên tuyến đường hiện hữu. Quy hoạch đảm bảo mặt đường 06 làn xe, đạt cấp III đồng bằng, lộ giới 60,0m.

- Đường ranh phía Tây (tuyến D8 cũ): Điểm đầu tại ranh quy hoạch giáp xã Đại Ân 2, điểm cuối tại ranh quy hoạch giáp xã Trung Bình. Quy hoạch mặt đường 10,5m x 2, vỉa hè 4,0m x 2, dải phân cách 1,0m, lộ giới 30,0m theo quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2014.

*\* Giao thông đô thị:*

- Đường chính đô thị: Tuyến Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu) có điểm đầu giao với Đường tỉnh 934B, điểm cuối tại cầu Bãi Giá, Quy hoạch mặt đường gồm 6,0m x 2 và 9,0m x 2, vỉa hè 5,0m x 2, dải phân cách 2,0m x 3, lộ giới 46,0m, nâng cấp mở rộng dựa trên tuyến đường hiện hữu.

- Đường liên khu vực:

+ Tuyến đường 30/4, đường 19/5: Chính trang toàn tuyến đảm bảo mặt đường 7,0m, vỉa hè 4,0m x 2, lộ giới 15,0m. Đoạn nối dài mở rộng với lộ giới 15,0m tính từ bờ kênh, đảm bảo bờ kênh ngang 17,0m.

+ Tuyến đường Tôn Đức Thắng: Giữ nguyên lộ giới 24,0m theo hiện trạng.

+ Tuyến đường Tôn Đức Thắng nối dài, đường Lăng Ông, đường D2: Quy hoạch mặt đường 14,0m, vỉa hè 5,0m x 2, lộ giới 24,0m theo quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2014.

+ Tuyến đường N3: Quy hoạch mặt đường 10,5m x 2, vỉa hè 5,0m x 2, dải phân cách 2,0m, lộ giới 33,0m theo quy hoạch chung phê duyệt năm 2014.

- Đường chính khu vực:

+ Tuyến đường ven sông Hậu: Quy hoạch mặt đường 7,0m x 2, vỉa hè 5,0m (vỉa hè phần giáp sông Hậu là 3m), dải phân cách 2,0m, lộ giới 24,0m theo điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung năm 2016.

+ Tuyến đường Võ Thị Sáu, đường D4, đường D12: Quy hoạch mặt đường 14,0m, vỉa hè 5,0m x 2, lộ giới 24,0m theo quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2014 và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung năm 2019.

+ Tuyến đường D5, đường N7, đường N14: Quy hoạch mặt đường 10,5m x 2, vỉa hè 6,0m x 2, dải phân cách 3,0m, lộ giới 36,0m theo quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2014.

+ Tuyến đường N2, đường N17: Quy hoạch mặt đường 10,5m x 2, vỉa hè 4,0m x 2, dải phân cách 1,0m, lộ giới 30,0m.

+ Tuyến đường D10: Quy hoạch mặt đường 7,0m x 2, vỉa hè 6,5m x 2, lộ giới 27,0m.

- Đường khu vực: Các tuyến đường có lộ giới từ 16m đến 27m.

#### *b) Giao thông đường thủy*

- Tuyến vận tải thủy quốc gia: Tuyến sông Hậu là tuyến sông cấp I (chiều rộng trung bình 1.600m, chiều sâu mực nước chưa nạo vét 7 - 10m), thông ra cửa biển Trần Đề, là tuyến đường thủy quan trọng để giao thương với các vùng khác (tiểu vùng sông Mekong, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng hàng hải quốc tế).

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác và nâng cao chất lượng các tuyến vận tải hành khách kết nối Trần Đề - Côn Đảo, Trần Đề - Cù Lao Dung.

#### *c) Các công trình phục vụ giao thông*

- Bến xe khách, bến xe tải: Di dời bến xe khách trên Quốc lộ 91B. Quy hoạch mới bến xe khách kết hợp bến xe tải trên Đường tỉnh 934B (đoạn phía Tây ngoài thị trấn Trần Đề) diện tích 3,09ha, đạt chuẩn bến loại IV.

- Bãi đỗ xe:

+ Trong các khu đô thị, đơn vị ở và nhóm nhà ở phải bố trí chỗ đỗ xe, bãi đỗ xe dưới nhiều hình thức (bãi đỗ xe trên mặt đất, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe nhiều tầng,...); đảm bảo chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe đạt tối thiểu 2,5 m<sup>2</sup>/người.

+ Các khu vực có nhu cầu vận chuyển lớn, trung tâm thương mại, dịch vụ,

thể dục thể thao, vui chơi giải trí phải bố trí bãi đỗ xe, điếm đỗ xe công cộng thuận tiện cho hành khách và phương tiện, kết nối liên thông với mạng lưới đường phố, đảm bảo khoảng cách đi bộ tối đa là 500 m.

+ Trong khu công nghiệp, kho tàng phải bố trí bãi đỗ xe, xưởng sửa chữa.

- Cảng hàng hóa, cảng chuyên dùng, cảng hành khách, bến phà:

+ Nghiên cứu đầu tư 01 bến cảng đa năng trong khu vực hậu cần cảng giáp Khu công nghiệp Trần Đề.

+ Cảng cá Trần Đề: Là cảng cá loại I, kết hợp với tránh trú bão của tàu thuyền. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng hoàn thiện cảng cá Trần Đề giai đoạn II, dự kiến tàu <10.000 tấn neo đậu.

+ Cải tạo, nâng cấp bến tàu cao tốc Sóc Trăng - Côn Đảo hiện hữu.

+ Đầu tư xây dựng mới các bến tàu đưa, đón khách du lịch Trần Đề - Côn Đảo, cảng thủy nội địa Trần Đề, cảng hàng hóa, cảng chuyên dùng theo quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

+ Xây dựng mới bến phà kết nối Trần Đề - Cù Lao Dung cuối đường N14.

- Cấp treo: Nghiên cứu đầu tư tuyến cáp treo kết nối Trần Đề - Cù Lao Dung trong phạm vi khu vực thương mại dịch vụ du lịch ven sông Hậu, bao gồm các hạng mục: hệ thống cáp treo, nhà ga, công trình phụ trợ,... hiện đại, đồng bộ phục vụ khách du lịch. Vị trí và quy mô sẽ được xác định cụ thể theo dự án.

### ***9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước***

- Dự báo tổng nhu cầu dùng nước toàn đô thị:

+ Giai đoạn 2030:  $Q = 2.830 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Giai đoạn 2035:  $Q = 6.008 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Nguồn cấp nước:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm từ các trạm cấp nước hiện hữu có công suất  $2.880 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Giai đoạn sau, thị trấn Trần Đề được bổ sung nguồn nước từ nhà máy nước của huyện Trần Đề (vị trí, quy mô sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Trần Đề). Trong tương lai, thị trấn Trần Đề sẽ tiếp nhận nguồn nước từ nhà máy nước mặt của Tỉnh (được xác định trong quy hoạch tỉnh Sóc Trăng), về sau các nhà máy hiện tại sẽ chuyển thành các nhà máy dự phòng, trạm bơm hoặc các hạng mục khác, để cấp nước theo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt vào những tháng cao điểm.

### ***9.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường***

#### ***a) Thoát nước thải***

- Dự báo tổng lượng nước thải toàn đô thị:

+ Giai đoạn 2030:  $Q = 2.235 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

+ Giai đoạn 2035:  $Q = 4.765 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải cho 02 lưu vực, công suất  $Q1 = 1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ,  $Q2 = 4.765 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Đối với các khu dân cư và thương mại dịch vụ hiện hữu trong giai đoạn chưa có điều kiện xây dựng đầy đủ các tuyến cống thoát nước riêng và trạm xử lý nước thải, vẫn phải coi trọng và phát huy vai trò của bể tự hoại (hoặc có thể chọn giải pháp xử lý phân tán) để xử lý nước đen, hay nước đen và nước xám từ các hộ gia đình, nhà chung cư, cơ quan, cơ sở dịch vụ... Bể tự hoại phải được thiết kế, xây dựng và quản lý đúng quy cách. Khi trạm xử lý và đường ống thu gom hoàn chỉnh tiến hành đầu nối xử lý triệt để.

+ Đối với các dự án dân cư và thương mại dịch vụ đầu tư mới trong giai đoạn chưa có trạm xử lý nước thải thì phải có hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải cục bộ đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường.

#### *b) Chất thải rắn*

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn:

+ Giai đoạn 2030: Dự báo 23 tấn/ngày đêm.

+ Giai đoạn 2035: Dự báo 32 tấn/ngày đêm.

- Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng, trên địa bàn huyện Trần Đề được bố trí hai khu xử lý chất thải rắn. Giai đoạn 2021-2030 xây dựng khu xử lý chất thải rắn cấp tỉnh vị trí tại khu 3 (thuộc huyện Trần Đề), xây dựng thêm khu xử lý chất thải rắn liên huyện vị trí tại khu 3 (thuộc huyện Trần Đề).

#### *c) Nghĩa trang*

- Dự báo nhu cầu đất xây dựng nghĩa trang của thị trấn là 1,44ha.

- Từng bước ngưng chôn cất, cải tạo hoặc di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về khoảng cách môi trường đối với các khu dân cư. Việc di dời nghĩa trang cần làm từng bước gắn với giải pháp công viên hóa các nghĩa trang đã có trong các đô thị. Các nghĩa trang tại khu vực nông thôn không đạt các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, ảnh hưởng đến các chương trình kế hoạch phát triển của các địa phương phải ngừng chôn lấp. Tiếp tục thực hiện dự án xây dựng nghĩa trang tập trung đã được quy hoạch. Không quy hoạch mới đất nghĩa trang trong phạm vi thị trấn; trong giai đoạn dài hạn, đầu tư xây dựng 01 nghĩa trang nhân dân mới tại huyện Trần Đề.

### **9.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện**

- Dự báo tổng công suất toàn đô thị:

+ Đến năm 2030: 43.105KW.

+ Đến năm 2035: 59.365KW.

- Hiện nay nguồn cấp điện từ trạm biến áp 110KV-2x40MVA thị trấn Trần Đề. Trong tương lai nâng công suất lên thành 2x63MVA giai đoạn đến năm 2030, bổ sung quy hoạch trạm 220kV Trần Đề công suất 2x250MVA và

trạm cắt 110kV Trần Đề.

- Giai đoạn 2021 - 2030: Xây dựng mới TBA 220kV Trần Đề quy mô công suất 2x250MVA và đường dây đấu nối 220kV.

## **10. Biện pháp bảo vệ môi trường**

- Quy hoạch đảm bảo quỹ đất cho cây xanh cách ly giao thông, khu vực sản xuất công nghiệp, hành lang xanh dọc sông, các trục chính đô thị và các cơ sở, doanh nghiệp, nhà máy có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

- Giữ gìn, bảo vệ và phát triển khung thiên nhiên bảo vệ đô thị, đảm bảo lưu thông các dòng chảy, bảo vệ ven bờ, thiết lập hành lang xanh dọc kênh, vành đai xanh giữa đô thị. Thiết lập công trình điều tiết, thích ứng với ngập lụt đô thị, triều cường và xâm nhập mặn.

- Có biện pháp quản lý, kiểm soát và xử lý triệt để các loại chất thải rắn, nước thải, chất thải nguy hại, khí thải phát thải phát sinh từ hoạt động công nghiệp y tế, sinh hoạt dân cư, nông nghiệp.

- Bảo vệ môi trường nước mặt, ứng phó biến đổi khí hậu và phòng ngừa nước biển dâng bằng biện pháp công trình hoặc phi công trình. Thực hiện nguyên tắc xử lý nước thải tại nguồn trước khu xử lý tập trung tại trạm xử lý tập trung của khu vực.

- Đảm bảo chỉ tiêu cây xanh đô thị, đề xuất quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị sinh thái góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu bằng cách sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên nước mặt, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giao thông công cộng, sử dụng tiết kiệm năng lượng, khuyến dùng năng lượng tái tạo.

## **11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện**

### **11.1. Dự án ưu tiên đầu tư**

#### *a) Phương hướng cải tạo và xây dựng đô thị đến năm 2035*

- Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng do Nhà nước đầu tư và các dự án kết cấu hạ tầng khung của đô thị.

- Triển khai các quy hoạch chi tiết để phục vụ cho các dự án phát triển nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội.

- Tạo điều kiện để nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở và các doanh nghiệp tiếp tục triển khai các dự án của mình trên địa bàn.

#### *b) Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư*

- Trong giai đoạn 2025-2030:

+ Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị hiện hữu. Cùng cố hoàn thiện các dự án, đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhằm cải thiện các tiêu chí còn thấp theo tiêu chí đô thị loại IV (công trình công cộng, giao thông, tiêu thoát nước - thủy lợi, cây xanh, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, ...).

+ Xúc tiến đầu tư khung hạ tầng giao thông đã được phê duyệt theo các

quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện. Kêu gọi đầu tư các khu vực chức năng, các hạng mục trọng điểm được đề xuất theo quy hoạch, ưu tiên các dự án có tầm quan trọng, tác động đến chiến lược phát triển kinh tế của địa phương như: các khu chức năng cấp vùng được xác định trong Quy hoạch Khu kinh tế ven biển Trần Đề, các khu sản xuất công nghiệp, các dự án khu đô thị, khu nhà ở, khu thương mại dịch vụ.

+ Thị trấn Trần Đề cùng thị trấn Lịch Hội Thượng và các xã lân cận phấn đấu cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV, hướng tới thành lập thị xã gắn với sắp xếp đơn vị hành chính toàn huyện Trần Đề, tạo động lực thu hút dân cư và lao động, huy động nguồn lực và kêu gọi đầu tư dự án, nâng cao chất lượng sống cho khu vực phía Đông tỉnh Sóc Trăng.

- Trong giai đoạn 2030-2035:

+ Tập trung đầu tư các trục giao thông chính đô thị thúc đẩy mở rộng thị trấn về phía Bắc và phía Tây theo định hướng quy hoạch chung. Tận dụng dự địa để thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị mới nhờ động lực từ Khu kinh tế ven biển Trần Đề và các kết nối hạ tầng cấp vùng.

+ Tập trung gia tăng mật độ và tái phát triển khu vực đô thị truyền thống. Thúc đẩy chuyển đổi các khu vực sản xuất, đầu tư mới các dự án quy mô lớn, hiện đại, đẳng cấp. Đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng quan trọng (các khu chức năng cấp vùng, hệ thống giao thông ngoại vi, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị,...) để đảm bảo vận hành và kiểm soát ổn định sự phát triển không gian đô thị trong tầm nhìn dài hạn.

### ***11.2. Nguồn lực thực hiện***

Ngoài nguồn vốn ngân sách, huy động nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, vốn xã hội hóa và các nguồn vốn khác, nhằm khai thác tối đa các nguồn lực trong xã hội, phát huy cao độ các nguồn lực để phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân góp phần tăng trưởng kinh tế thị trấn.

## **12. Quy định quản lý theo Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035**

Lồng ghép quy định quản lý theo Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 và thực hiện quản lý theo thuyết minh tổng hợp của Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 được phê duyệt.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo Biên bản thẩm định; đồng thời, cung cấp đầy đủ hồ sơ cho địa phương và các đơn vị liên quan theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Đề theo quy định.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hoàng Nghiệp**